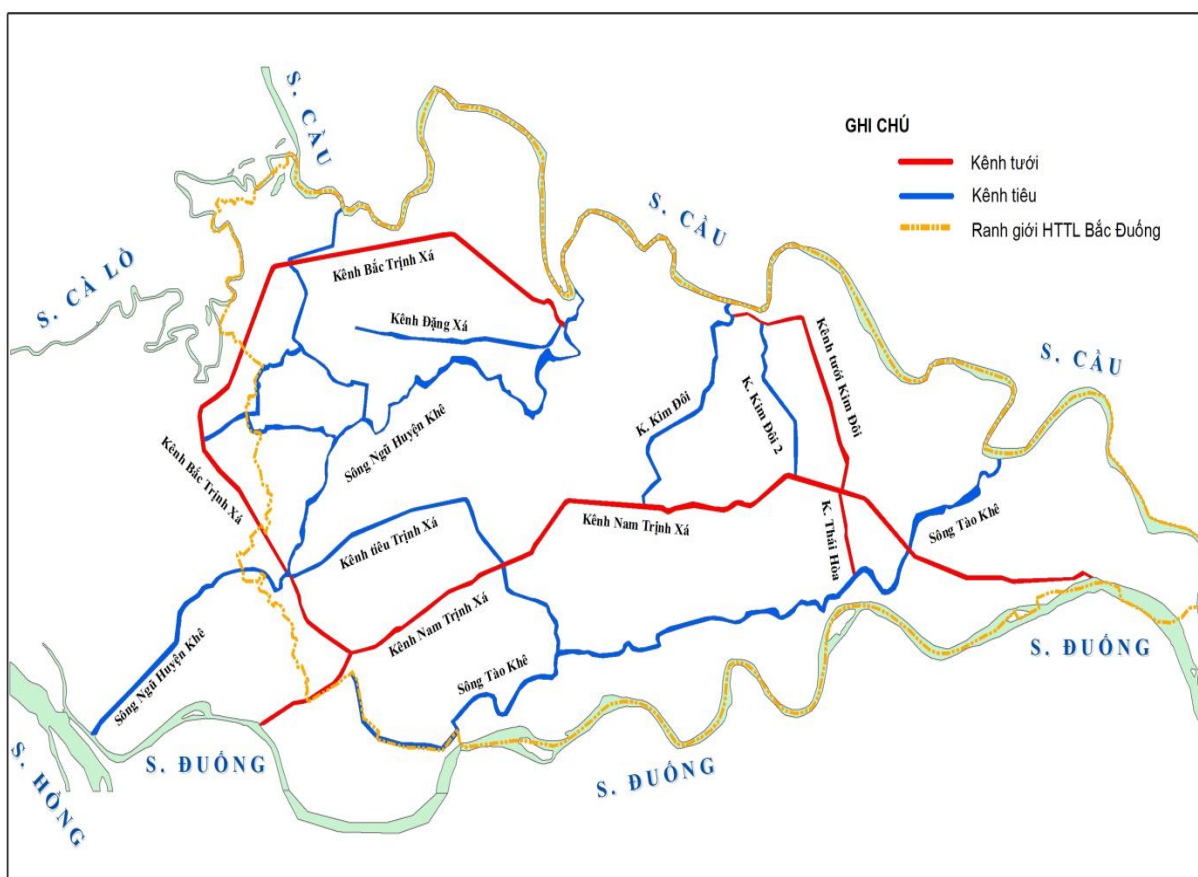


Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Đuống phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2019

BẢN TIN TUẦN KỲ 08

KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NGÀY 12/3/2019 (ĐỢT 3)
VÀ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 22 - 28/3/2019



Ranh giới hệ thống Bắc Đuống

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2019

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Đuống phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2018

BẢN TIN TUẦN KỲ 08

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NGÀY 12/3/2019 (ĐỢT 3)
VÀ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 22 - 28/3/2019**

CƠ QUAN THỰC HIỆN
CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS Vũ Quốc Chính

Thông tin chung

Nhiệm vụ Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Đuống phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp được Tổng cục Thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và PTNT giao Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường thực hiện năm 2019. Trong các tháng từ tháng 2 đến tháng 4 năm 2019 và tháng 7 năm 2019, mỗi tháng có 2 kỳ lấy mẫu và dự báo 7 ngày tiếp theo. Bản tin tuần các kỳ được đưa lên websites của Tổng cục Thủy lợi tại đại chỉ www.httl.com.vn và gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin tuần kỳ 8 là kết quả quan trắc chất lượng nước ngày 12/3/2019 (đợt 3) và dự báo các chỉ tiêu DO, BOD₅ và NH₄⁺ từ ngày 22- 28/3/2019.

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2019

BẢN TIN TUẦN KỲ 08

KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NGÀY 12/3/2019 (ĐỢT 3) VÀ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 22 - 28/3/2019

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Đuống, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
2. Ngày lấy mẫu: 12/3/2019
3. Ngày dự báo: 21/3/2019
4. Ngày cung cấp thông tin: 21/3/2019
5. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường
6. Người cung cấp thông tin: ThS Vũ Quốc Chính
7. Đơn vị nhận thông tin: Các đơn vị quản lý sử dụng nước trong hệ thống Bắc Đuống
8. Vị trí dự báo và lấy mẫu quan trắc: 16 vị trí (**bảng 1**)

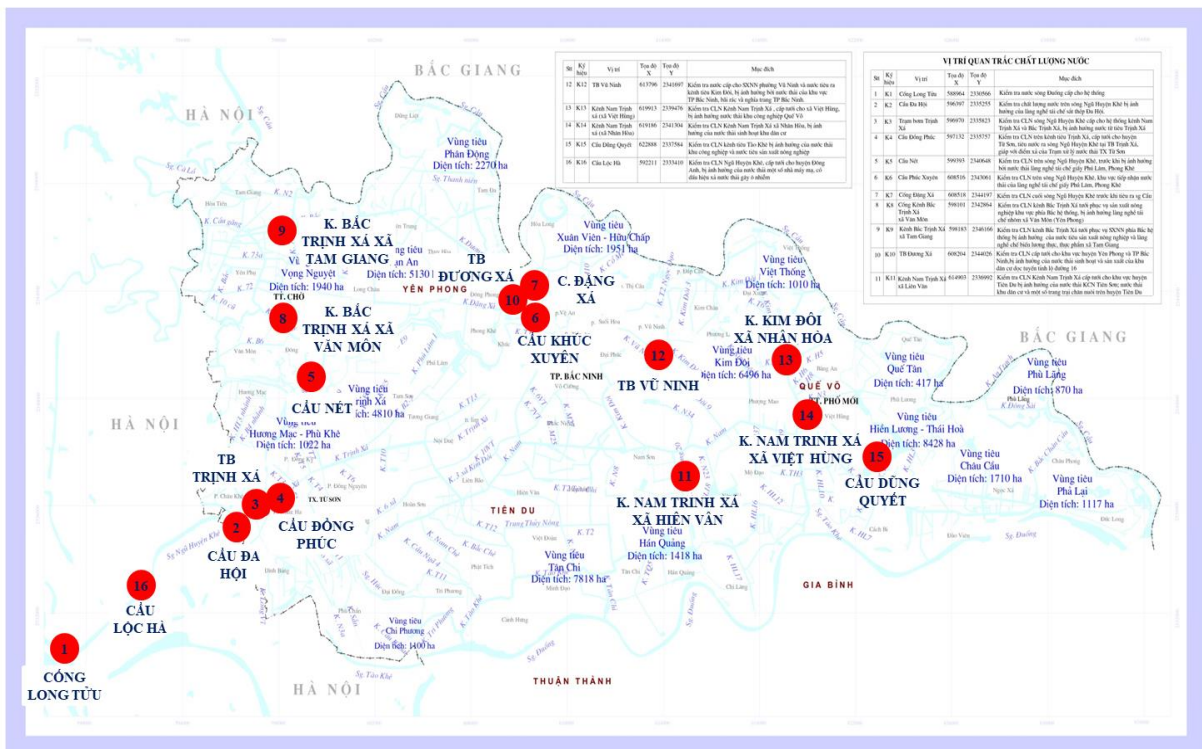
Bảng 1. Vị trí dự báo và giám sát chất lượng nước hệ thống Bắc Đuống năm 2019

TT	Vị trí lấy mẫu	KH mẫu	Địa điểm	Tọa độ	Mục đích
1	Cống Long Tầu	K1	Thôn Long Tầu, xã Đông Hội, Đông Anh, Hà nội	x= 588964 y= 2330566	Kiểm tra nước sông Đuống cấp cho hệ thống
2	Cầu Đa Hội	K2	Thôn Đa Hội, Phường Châu Khê, TX Từ Sơn, Bắc Ninh	x= 596397 y= 2335255	Kiểm tra CLN sông Ngũ Huyện Khê bị ảnh hưởng của sinh hoạt và nước thải làng nghề tái chế sắt thép Đa Hội.
3	TB Trịnh Xá	K3	Thôn Trịnh Nguyễn, Phường Châu Khê, TX Từ Sơn, Bắc Ninh	x= 596970 y= 2335823	Kiểm tra CLN sông Ngũ Huyện Khê cấp cho hệ thống kênh Nam Trịnh Xá và Bắc Trịnh Xá, bị ảnh hưởng nước tiêu kênh tiêu Trịnh Xá
4	Cầu Đồng Phúc	K4	Thôn Đồng Phúc, Phường Châu Khê, TX Từ Sơn, Bắc Ninh	x= 597132 y= 2335757	Kiểm tra CLN trên kênh tiêu Trịnh Xá, cấp tưới cho huyện Từ Sơn, tiêu nước ra sông Ngũ Huyện Khê tại TB Trịnh Xá, giáp với điểm xả của Trạm xử lý nước thải TX Từ Sơn.
5	Cầu Nét	K5	Thôn Thọ Khê, xã Đông Thọ, Yên Phong, Bắc Ninh	x= 599393 y= 2340648	Kiểm tra CLN sông Ngũ Huyện Khê trước khi bị ảnh hưởng bởi nước thải làng nghề giấy Phú Lâm, Phong Khê.
6	Cầu Khúc	K6	Thôn Phúc Toại, Phường	x= 608516 y= 2343061	Kiểm tra CLN sông Ngũ Huyện Khê, bị ảnh hưởng trực tiếp nước

TT	Vị trí lấy mẫu	KH mẫu	Địa điểm	Tọa độ	Mục đích
	Xuyên		Khúc Xuyên, TP Bắc Ninh		thải của làng nghề tái chế giấy Phú Lâm, Phong Khê.
7	Cống Đặng Xá	K7	Phường Vạn An, TP Bắc Ninh	x= 608518 y= 2344197	Kiểm tra CLN sông Ngũ Huyện Khê trước khi tiêu ra sông Cầu.
8	K. Bắc Trịnh Xá xã Văn Môn	K8	Xã Văn Môn, Yên Phong, Bắc Ninh	x= 598101 y= 2342864	Kiểm tra CLN kênh Bắc Trịnh Xá, tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực phía Bắc hệ thống, bị ảnh hưởng bởi làng nghề tái chế nhôm Văn Môn
9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang	K9	Xã Tam Giang, Yên Phong, Bắc Ninh	x= 598183 y= 2346166	Kiểm tra CLN kênh Bắc Trịnh Xá, tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực phía Bắc hệ thống, bị ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp và làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm xã Tam Giang.
10	Trạm bơm Đương Xá	K10	Thôn Đương Xá, Phường Vạn An, TP Bắc Ninh	x= 608204 y= 2344026	Kiểm tra CLN kênh tiêu Đặng Xá, cấp tưới cho khu vực huyện Yên Phong và TP Bắc Ninh, bị ảnh hưởng của sản xuất và tiêu nước thải của khu dân cư dọc tuyến tỉnh lộ đường 16,
11	K. Nam Trịnh Xá xã Hiên Vân	K11	Xã Hiên Vân, Tiên Du, Bắc Ninh	x= 614903 y= 2336992	Kiểm tra CLN kênh Nam Trịnh Xá cấp tưới cho huyện Tiên Du, bị ảnh hưởng của nước thải KCN Tiên Sơn nước thải khu dân cư và một số trang trại chăn nuôi trên địa bàn huyện Tiên Du.
12	Trạm bơm Vũ Ninh	K12	Phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh	x= 613796 y= 2341697	Kiểm tra nước cấp cho SXNN phường Vũ Ninh và nước tiêu ra kênh tiêu Kim Đồi, bị ảnh hưởng bởi nước thải của khu vực TP Bắc Ninh, bãi rác và nghĩa trang TP Bắc Ninh.
13	K. Nam Trịnh Xá xã Việt Hùng	K13	Xã Việt Hùng, Quế Võ, Bắc Ninh	x= 619913 y= 2339476	Kiểm tra CLN kênh Nam Trịnh Xá, cấp tưới cho xã Việt Hùng, bị ảnh hưởng của nước thải KCN Quế Võ.
14	Kênh Kim Đồi xã Nhân Hòa	K14	Thôn Trại Đường, xã Nhân Hòa, Quế Võ, Bắc Ninh	x= 619186 y= 2341304	Kiểm tra CLN kênh Kim Đồi, cấp tưới cho xã Nhân Hòa, bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu dân cư
15	Cầu Dũng	K15	Thôn Guột, xã Việt Hùng, Quế	x= 622888 y= 2337584	Kiểm tra CLN kênh tiêu Tào Khê, bị ảnh hưởng của nước thải khu

TT	Vị trí lấy mẫu	KH mẫu	Địa điểm	Tọa độ	Mục đích
	Quyết		võ, Bắc Ninh		công nghiệp và nước tiêu sản xuất nông nghiệp.
16	Cầu Lọc Hà	K16	Thôn Lọc Hà, xã Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	x= 592211 y= 2333410	Kiểm tra CLN Ngũ Huyện Khê, cấp tưới cho huyện Đông Anh, bị ảnh hưởng của nước thải một số nhà máy mạ, có dấu hiệu xả nước thải gây ô nhiễm.

9. Sơ đồ vị trí các trạm quan trắc và dự báo:



Hình 1. Sơ đồ vị trí các trạm quan trắc và dự báo chất lượng nước năm 2019

I. KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC NGÀY 12/3/2019 (đợt 3)

1.1. Mô tả thực địa và điều kiện lấy mẫu

Bảng 2. Mô tả thực địa tại các vị trí lấy mẫu ngày 12/3/2019 (đợt 3)

TT	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu	Điều kiện thời tiết	Mô tả thực địa
1	K1	Cổng Long Từ	Nắng nhẹ, nhiệt độ không khí 19°C. Gió Đông, tốc độ gió 1,11 m/s.	- Cổng đóng giữ nước, nước tĩnh không dòng chảy, mực nước TL = 0,70 cm; HL = 290 cm; - Nước có màu xanh nhạt, không mùi, không rác thải.

TT	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu	Điều kiện thời tiết	Mô tả thực địa
2	K2	Cầu Đa Hội	Nắng nhẹ, nhiệt độ không khí 20°C. Gió Đông, tốc độ gió 1,11 m/s.	- Nước tĩnh, không có dòng chảy; - Nước có vàng đục, mùi hôi nhẹ. Nhiều bèo tây và rác thải trên sông và 2 bên má cầu.
3	K3	Trạm bơm Trịnh Xá	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 20°C. Gió Đông, tốc độ gió 1,39 m/s.	- TB Trịnh Xá không hoạt động. Cống ngăn nước vào trạm bơm đóng. Nước tĩnh, không có dòng chảy. Mực nước sông Ngũ Huyện Khê 280cm; khu vực TB 240cm - Nước có màu xanh nhạt, không có mùi lạ. Nhiều rác thải và bèo tây trước cửa ngăn rác trên sông Ngũ Huyện Khê vào trạm bơm.
4	K4	Cầu Đông Phúc	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 20°C. Gió Đông, tốc độ gió 1,39 m/s.	- Cống tiêu ra khu vực trạm bơm Trịnh Xá đóng, nước trên kênh tĩnh, không có dòng chảy. Mực nước TL= 320 cm; HL= 240cm - Nước màu xám đen, có mùi hơi hôi. Nhiều rác thải và có váng nổi trên trên sông.
5	K5	Cầu Nét	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 19°C. Gió Đông, tốc độ gió 1,39 m/s.	- Hạ lưu đập chặn dòng tại Phú Lâm. Nước chảy xuôi về phía hạ lưu, dòng chảy trung bình. - Nước giữa dòng có màu đen, hai bên có màu nâu đục, mùi hôi nhẹ. Nhiều rác thải và có váng dầu trên mặt nước.
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 23°C. Gió Đông, tốc độ gió 2,50 m/s.	- Nước tĩnh không dòng chảy, mực nước 240 cm. - Nước màu đen kịt, mùi hôi thối nồng nặc, nhiều rác thải
7	K7	Cống Đặng Xá.	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 23°C. Gió Đông, tốc độ gió 2,50 m/s.	- Cống đóng kín, nước tĩnh không có dòng chảy. Mực nước TL= 240 cm, HL= 50cm - Nước có màu đen đặc, mùi hôi thối nồng nặc, nhiều rác thải.
8	K8	K. Bắc Trịnh Xá xã Văn Môn.	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 21°C. Gió Đông, tốc độ gió 1,11 m/s.	- Nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước màu nâu phù sa, mùi hơi hôi. Nhiều rác thải sông.
9	K9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 21°C. Gió Đông, tốc độ gió 1,11 m/s.	- Dòng chảy yếu. - Nước màu nâu phù sa, không có mùi lạ. Không có rác thải.

TT	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu	Điều kiện thời tiết	Mô tả thực địa
10	K10	Trạm bơm Đương Xá	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 23°C. Gió Đông, tốc độ gió 2,50 m/s.	<ul style="list-style-type: none"> - Đập chặn dòng 2 đầu thi công TB. Mẫu nước lấy phía thượng lưu đập chặn dòng. Nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước màu xanh lục đậm, mùi hôi. Nhiều rác thải trôi nổi trên kênh và có cá ngơ nổi đầu.
11	K11	K. Nam Trịnh Xá xã Hiên Vân.	Trời nắng, nhiều mây. Nhiệt độ không khí 23°C. Gió Bắc, tốc độ gió 2,50 m/s.	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng xả KCN Tiên Sơn mở. Nước trên kênh Nam Trịnh Xá tĩnh, không có dòng chảy. - Nước kênh màu xanh nhạt, gần khu vực cửa xả KCN Tiên Sơn có màu xám đen, mùi hơi hôi, nhiều rác thải.
12	K12	Trạm bơm Vũ Ninh.	Trời nắng, nhiều mây. Nhiệt độ không khí 24°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,89 m/s.	<ul style="list-style-type: none"> - Nước tĩnh, không dòng chảy. Mực nước 105cm. - Nước có màu đen đục, mùi hơi hôi. Không có rác thải.
13	K13	K. Nam Trịnh Xá xã Việt Hùng	Trời nắng, nhiệt độ không khí 26°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,89 m/s.	<ul style="list-style-type: none"> - Nước kênh cạn, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước có màu xanh lục, mùi hơi hôi, nhiều rác thải.
14	K14	K. Kim Đồi xã Nhân Hòa.	Trời nắng, nhiệt độ không khí 26°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,89 m/s.	<ul style="list-style-type: none"> - Nước kênh cạn, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước có màu xám đen, mùi hơi hôi. Nhiều rác thải và có cá ngơ nổi đầu.
15	K15	Cầu Dũng Quyết	Trời nắng, nhiệt độ không khí 26°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,89 m/s.	<ul style="list-style-type: none"> - Dòng chảy yếu. - Nước có màu xanh nhạt, không có mùi lạ, nhiều bèo tây và rác thải.
16	K16	Cầu Lộ Hà	Nắng nhẹ, nhiệt độ không khí 19°C. Gió Đông, tốc độ gió 1,11 m/s.	<ul style="list-style-type: none"> - Dòng chảy yếu. - Nước có màu xanh lục, không có mùi lạ. Có cá chết và rác thải trên sông

1.2. Kết quả phân tích chất lượng nước và tính chỉ số chất lượng nước WQI ngày 12/3/2019 (đợt 3)

Bảng 3. Kết quả phân tích CLN trong hệ thống Bắc Đuống và tính chỉ số chất lượng nước WQI ngày 12/3/2019 (đợt 3)

TT	KH mẫu	Vị trí lấy mẫu	T (°C)	Độ đục	pH (-)	DO (mg/l)	TSS (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	PO ₄ ³⁻ (mg/l)	COD (mg/l)	BOD ₅ (mg/l)	Coliform (MPN/100ml)	Fe (mg/l)	Pb (ppm)	Cr (mg/l)	WQI
1	K1	Cổng Long Tầu	22,1	10,36	6,86	3,7	32,95	5,04	0,05	0,16	43,2	16,7	11.000	0,22	0,52	0,028	15
2	K2	Cầu Đa Hội	23,1	15,65	7,54	5,6	31,23	1,46	0,22	0,08	64,3	25,6	19.000	0,82	1,67	0,153	15
3	K3	TB Trịnh Xá	23,1	13,30	7,35	4,5	26,63	3,42	0,24	0,08	45,1	17,4	13.000	0,54	0,86	0,053	16
4	K4	Cầu Đồng Phúc	23,4	18,55	7,39	3,4	33,19	4,70	0,26	0,12	43,2	16,7	31.000	0,32	1,27	0,042	15
5	K5	Cầu Nét	23,2	10,83	7,57	5,3	33,38	2,02	0,36	0,06	72,0	29,1	13.000	0,16	0,84	0,053	15
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	25,2	25,12	7,52	1,5	31,24	3,81	<0,01	0,10	249,6	94,6	690.000	0,18	1,27	0,041	11
7	K7	Cổng Đặng Xá	24,8	23,56	7,48	1,6	69,45	2,80	<0,01	0,14	374,4	143,8	1.600.000	0,10	1,03	0,032	10
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	23,6	21,23	7,58	3,4	29,38	1,68	0,24	0,16	43,2	16,6	17.000	0,12	0,68	0,024	15
9	K9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang	23,3	33,17	7,60	4,2	61,46	1,12	0,30	0,22	33,6	13,8	13.000	0,20	0,91	0,061	13
10	K10	TB Dương Xá	22,8	30,33	7,45	2,1	37,13	10,08	0,08	0,60	81,6	32,8	130.000	0,02	1,73	0,045	9
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	23,9	15,16	7,52	1,7	28,95	35,45	0,42	4,22	96,0	38,2	81.000	0,14	1,89	0,071	9
12	K12	TB Vũ Ninh	26,8	20,50	7,63	2,9	66,25	14,84	0,16	1,04	43,2	16,7	34.000	2,10	1,81	0,032	12
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	24,1	33,10	7,83	1,9	38,33	14,73	<0,01	2,98	81,6	32,8	13.000	0,48	1,26	0,037	9
14	K14	K. Kim Đồi xã Nhân Hòa	25,9	11,13	7,67	2,2	23,13	12,04	0,12	1,70	67,2	26,7	29.000	0,18	1,91	0,025	12
15	K15	Cầu Dũng Quyết	25,3	23,18	8,00	8,6	28,98	3,36	0,12	0,14	33,6	13,8	8.100	0,12	0,87	0,042	44
16	K16	Cầu Lộc Hà	22,4	11,38	7,45	5,8	24,95	2,13	0,24	0,06	28,8	11,3	6.400	0,14	2,82	0,265	69
QCVN08:2015/BTNMT B1			-	-	5,5-9,0	≥4	50	0,9	0,05	0,3	30	15	7.500	1,5	50	0,5	-

Ghi chú: Chỉ tiêu Nhiệt độ, pH, DO và Độ đục đo tại hiện trường

1.3. Đánh giá chất lượng nước theo chỉ số WQI ngày 12/3/2019 (đợt 3)

Bảng 4. Kết quả đánh giá CLN theo chỉ số WQI ngày 12/3/2019 (đợt 3)

T	KH mẫu	Vị trí lấy mẫu	WQI	Đánh giá	Màu thể hiện	Xếp loại
1	K1	Cổng Long Tửu	15	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
2	K2	Cầu Đa Hội	15	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
3	K3	TB Trịnh Xá	16	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
4	K4	Cầu Đồng Phúc	15	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
5	K5	Cầu Nét	15	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	11	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
7	K7	Cổng Đặng Xá	10	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	15	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
9	K9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang	13	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
10	K10	TB Dương Xá	9	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	9	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
12	K12	TB Vũ Ninh	12	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	9	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
14	K14	K. Kim Đồi xã Nhân Hòa	12	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
15	K15	Cầu Dũng Quyết	44	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	Da cam	D
16	K16	Cầu Lộc Hà	69	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	Vàng	C

Ghi chú: Đánh giá theo số tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước ban hành theo quyết định 879/QĐ-TCMT, ngày 01/7/2011 của Tổng cục Môi trường. Trong đó:

- A- Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- B- Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp;
- C- Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác;
- D- Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác;
- E- Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai

1.4. Đánh giá CLN theo các chỉ tiêu hóa lý và vi sinh ngày 12/3/2019 (đợt 3)

1.4.1. Đánh giá chất lượng nước theo từng điểm quan trắc ngày 12/3/2019 (đợt 3)

Bảng 5. Kết quả đánh giá CLN theo từng điểm quan trắc ngày 12/3/2019 (đợt 3)

TT	KH mẫu	Hệ thống/trạm đo	Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
1	K1	Cống Long Túu	5 chỉ tiêu: + DO dưới 1,08 lần; + BOD ₅ : 1,11 lần; + COD: 1,44 lần; + NH ₄ ⁺ : 5,60 lần; + Coliform: 1,47 lần.	- Nước bị ô nhiễm nhẹ các chất hữu cơ và vi sinh; chất dinh dưỡng theo NH ₄ ⁺ ở mức độ bị ô nhiễm nghiêm trọng, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN. - Tạm thời không lấy và trữ nước vào hệ thống.
2	K2	Cầu Đa Hội	5 chỉ tiêu: + BOD ₅ : 1,71 lần; + COD: 2,14 lần; + NH ₄ ⁺ : 1,62 lần; + NO ₂ ⁻ : 4,40 lần; + Coliform: 2,53 lần.	- Nước bị ÔN nhẹ chất hữu cơ; các chất dinh dưỡng và vi sinh, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
3	K3	TB Trinh Xá	5 chỉ tiêu: + BOD ₅ : 1,16 lần; + COD: 1,50 lần; + NH ₄ ⁺ : 3,80 lần; + NO ₂ ⁻ : 4,80 lần; + Coliform: 1,73 lần.	- Nước bị ÔN nhẹ chất hữu cơ; các chất dinh dưỡng và vi sinh, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới. - Tăng cường lấy nước bổ sung từ sông ngoài cho các khu vực cuối kênh Bắc và Nam Trinh Xá.
4	K4	Cầu Đồng Phúc	6 chỉ tiêu: + DO dưới 1,18 lần; + BOD ₅ : 1,11 lần; + COD: 1,44 lần; + NH ₄ ⁺ : 5,22 lần; + NO ₂ ⁻ : 5,20 lần; + Coliform: 4,13 lần	- Nước bị ÔN nhẹ các chất hữu cơ và vi sinh; chất dinh dưỡng theo NH ₄ ⁺ và NO ₂ ⁻ ở mức độ bị ô nhiễm nghiêm trọng, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN và giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới - Không mở cống tiêu sông Ngũ Huyện Khê trong thời gian lấy nước
5	K5	Cầu Nét	5 chỉ tiêu: + BOD ₅ : 1,94 lần; + COD: 2,40 lần; + NH ₄ ⁺ : 2,24 lần; + NO ₂ ⁻ : 7,20 lần; + Coliform: 1,73 lần.	- Nước bị ÔN nhẹ các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng theo NH ₄ ⁺ và vi sinh; chất dinh dưỡng theo NO ₂ ⁻ ở mức độ bị ô nhiễm nghiêm trọng, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.

TT	KH mẫu	Hệ thống/ trạm đo	Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	5 chỉ tiêu: + DO dưới 2,67 lần; + BOD ₅ : 6,31 lần; + COD: 8,32 lần; + NH ₄ ⁺ : 4,23 lần; + Coliform: 92,00 lần	- Nước bị ÔN nặng các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vinh sinh, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không lấy nước tưới cho SXNN. - Cần cô lập khu vực để tránh ô nhiễm sang các khu vực khác.
7	K7	Cổng Đặng Xá	6 chỉ tiêu: + TSS: 1,39 lần; + DO dưới 2,50 lần; + BOD ₅ : 9,59 lần; + COD: 12,48 lần; + NH ₄ ⁺ : 3,11 lần; + Coliform: 213,3 lần.	- Nước bị ÔN nặng các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vinh sinh, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN; - Không lấy nước tưới cho SXNN. - Không mở cổng tiêu Đặng Xá ra sông Cầu, trong thời gian khu vực dưới hạ lưu sông Cầu lấy nước
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	6 chỉ tiêu: + DO dưới 1,18 lần; + BOD ₅ : 1,11 lần; + COD: 1,44 lần; + NH ₄ ⁺ : 1,87 lần; + NO ₂ ⁻ : 4,80 lần; + Coliform: 2,27 lần.	- Nước bị ÔN nhẹ các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTTS. - Giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
9	K9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang	5 chỉ tiêu: + TSS: 1,23 lần; + COD: 1,12 lần; + NH ₄ ⁺ : 1,24 lần; + NO ₂ ⁻ : 6,00 lần; + Coliform: 1,73 lần.	- Nước bị ÔN nhẹ các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng theo NH ₄ ⁺ và vi sinh; chất dinh dưỡng theo NO ₂ ⁻ ở mức độ bị ô nhiễm nghiêm trọng, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTTS. - Giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
10	K10	TB Đương Xá	7 chỉ tiêu: + DO dưới 1,90 lần; + BOD ₅ : 2,19 lần; + COD: 2,72 lần; + NH ₄ ⁺ : 11,20 lần; + PO ₄ ³⁻ : 2,00 lần; + NO ₂ ⁻ : 1,60 lần; + Coliform: 17,33 lần.	- Nước bị ÔN nhẹ các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng theo NH ₄ ⁺ ; chất dinh dưỡng theo NO ₂ ⁻ và vi sinh bị ô nhiễm ở mức độ nghiêm trọng, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTTS. - Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN và giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	7 chỉ tiêu: + DO dưới 2,35 lần; + BOD ₅ : 2,55 lần; + COD: 3,20 lần; + NH ₄ ⁺ : 39,39 lần; + PO ₄ ³⁻ : 14,07 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng theo NH ₄ ⁺ ; các chất dinh dưỡng theo NO ₂ ⁻ , PO ₄ ³⁻ và vi sinh bị ô nhiễm ở mức độ nghiêm trọng, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTTS.

TT	KH mẫu	Hệ thống/trạm đo	Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
			+ NO ₂ ⁻ : 8,40 lần; + Coliform: 10,80 lần.	- Giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
12	K12	TB Vũ Ninh	8 chỉ tiêu: + TSS: 1,33 lần; + DO dưới 1,38 lần; + BOD ₅ : 1,11 lần; + COD: 1,44 lần; + NH ₄ ⁺ : 16,49 lần; + PO ₄ ³⁻ : 3,47 lần; + NO ₂ ⁻ : 3,20 lần; + Coliform: 4,53 lần.	- Nước bị ÔN nhẹ các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng theo NO ₂ ⁻ , PO ₄ ³⁻ và vi sinh; chất dinh dưỡng theo NH ₄ ⁺ ở mức độ bị ô nhiễm nghiêm trọng, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	6 chỉ tiêu: + DO dưới 2,11 lần; + BOD ₅ : 2,19 lần; + COD: 2,72 lần; + NH ₄ ⁺ : 16,37 lần; + PO ₄ ³⁻ : 9,93 lần; + Coliform: 1,73 lần.	- Nước bị ÔN nhẹ các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN và giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
14	K14	K. Kim Đồi xã Nhân Hòa	7 chỉ tiêu: + DO dưới 1,82 lần; + BOD ₅ : 1,78 lần; + COD: 2,24 lần; + NH ₄ ⁺ : 13,38 lần; + PO ₄ ³⁻ : 5,67 lần; + NO ₂ ⁻ : 2,40 lần; + Coliform: 3,87 lần.	- Nước bị ÔN nhẹ các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng theo NO ₂ ⁻ và vi sinh; chất dinh dưỡng theo PO ₄ ³⁻ và NH ₄ ⁺ bị ô nhiễm ở mức độ nghiêm trọng, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN. - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN và giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
15	K15	Cầu Dũng Quyết	4 chỉ tiêu: + COD: 1,12 lần; + NH ₄ ⁺ : 3,73 lần; + NO ₂ ⁻ : 2,40 lần; + Coliform: 1,08 lần.	- Nước bị ÔN nhẹ chất hữu cơ theo BOD, chất dinh dưỡng và vi sinh; không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
	K16	Cầu Lộc Hà	2 chỉ tiêu: + NH ₄ ⁺ : 2,37 lần; + NO ₂ ⁻ : 4,80 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ chất dinh dưỡng, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.

Ghi chú: QCVN08-MT:2015/BTNMT cột B1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;

1.4.2. Đánh giá chất lượng nước theo các chỉ tiêu ô nhiễm ngày 12/3/2019 (đợt 3)

a) Về phạm vi ô nhiễm

Bảng 6. Tỷ lệ số điểm quan trắc vượt QCVN 08-MT:2015 cột B₁ theo các chỉ tiêu hóa lý và vi sinh bị ô nhiễm ngày 12/3/2019 (đợt 3)

TT	Chỉ tiêu ÔN	Số điểm ÔN	Tỷ lệ %	Vị trí ô nhiễm
1	TSS	3	18,75	K7, K9, K12
2	DO	10	62,50	K1, K4, K6, K7, K8, K10, K11, K12, K13, K14
3	BOD ₅	13	81,25	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K10, K11, K12, K13, K14
4	COD	15	93,75	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11, K12, K13, K14, K15
5	N-NH ₄ ⁺	16	100	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11, K12, K13, K14, K15, K16
6	P-PO ₄ ³⁻	5	31,25	K10, K11, K12, K13, K14
7	NO ₂ ⁻	12	75,00	K2, K3, K4, K5, K8, K9, K10, K11, K12, K14, K15, K16
8	Coliform	15	93,75	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11, K12, K13, K14, K15

b) Về mức độ ô nhiễm

Bảng 7. Mức độ ô nhiễm một số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh ngày 12/3/2019 (đợt 3)

TT	Chỉ tiêu ô nhiễm	Giá trị cao nhất	Vượt QCVN 08:2015 cột B ₁ (lần)	Vị trí có giá trị cao nhất
1	TSS (mg/l)	69,45	1,39	K7 (cổng Đặng Xá)
2	BOD ₅ (mg/l)	143,80	9,59	K7 (cổng Đặng Xá)
3	COD (mg/l)	374,40	12,48	K7 (cổng Đặng Xá)
4	NH ₄ ⁺ (mg/l)	35,45	39,39	K11 (K. Nam TX xã Hiên Vân)
5	NO ₂ ⁻ (mg/l)	0,42	8,40	K11 (K. Nam TX xã Hiên Vân)
6	PO ₄ ³⁻ (mg/l)	4,22	14,07	K11 (K. Nam TX xã Hiên Vân)
7	Coliform (MPN/100ml)	1.600.000	213,33	K7 (cổng Đặng Xá)

1.5. Đánh giá CLN theo các chỉ tiêu kim loại nặng ngày 12/3/2019 (đợt 3)

Bảng 8. Đánh giá chất lượng nước theo hàm lượng các kim loại nặng tại các điểm quan trắc ngày 12/3/2019 (đợt 3)

TT	KH mẫu	Vị trí lấy mẫu	Hàm lượng KLN			Đánh giá
			Fe (ppb)	Pb (ppb)	Cr (mg/l)	
1	K1	Cổng Long Tửu	0,22	0,52	0,028	Đạt TCCP
2	K2	Cầu Đa Hội	0,82	1,67	0,153	Đạt TCCP

TT	KH mẫu	Vị trí lấy mẫu	Hàm lượng KLN			Đánh giá
			Fe (ppb)	Pb (ppb)	Cr (mg/l)	
3	K3	TB Trinh Xá	0,54	0,86	0,053	Đạt TCCP
4	K4	Cầu Đồng Phúc	0,32	1,27	0,042	Đạt TCCP
5	K5	Cầu Nét	0,16	0,84	0,053	Đạt TCCP
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	0,18	1,27	0,041	Đạt TCCP
7	K7	Cống Đặng Xá	0,10	1,03	0,032	Đạt TCCP
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	0,12	0,68	0,024	Đạt TCCP
9	K9	K. Bắc TX xã Tam Giang	0,20	0,91	0,061	Đạt TCCP
10	K10	Trạm bơm Đương Xá	0,02	1,73	0,045	Đạt TCCP
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	0,14	1,89	0,071	Đạt TCCP
12	K12	Trạm bơm Vũ Ninh	2,10	1,81	0,032	Fe vượt 1,40 lần
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	0,48	1,26	0,037	Đạt TCCP
14	K14	K. Kim Đôi xã Nhân Hòa	0,18	1,91	0,025	Đạt TCCP
15	K15	Cầu Dũng Quyết	0,12	0,87	0,042	Đạt TCCP
16	K16	Cầu Lộc Hà	0,14	2,82	0,265	Đạt TCCP
QCVN 08-MT:2015 cột B1			1,5	50	0,5	-

II. KẾT QUẢ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 22 - 28/3/2019

2.1. Thông tin chung

a) Đặc điểm khí tượng, thủy văn và nguồn nước

Theo bản tin dự báo thủy văn ngắn hạn các sông Bắc Bộ của Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia từ ngày 21-31/3/2019: Trên sông Đà dòng chảy đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La. Mực nước trên sông Thao tiếp tục biến đổi chậm. Mực nước sông Lô tiếp tục dao động theo điều tiết của các thủy điện tuyến trên. Mực nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội dao động từ 50 – 160 cm, trung bình là 100 cm, thấp hơn 96 cm so với TBNN. Mực nước hạ lưu sông Thái Bình tại Phả Lại dao động từ -5 đến 120 cm; trung bình 50 cm, cao hơn 2 cm so với TBNN.

Theo bản tin dự báo nguồn nước do Viện Quy hoạch Thủy lợi, dự báo tình hình khí tượng, thủy văn và nguồn nước trong kỳ dự báo từ 22/3 đến 28/3 như sau:

- Lượng mưa dự báo trên khu vực chia thành 2 xu thế rõ ràng. Từ ngày 22/3 đến ngày 25/3 lượng mưa nhỏ, trung bình mưa theo thời đoạn đạt 0.5 mm/ngày tại Hà Nội và đạt 0.75 mm/ngày tại Bắc Ninh. Từ ngày 26/3 đến ngày 29/3 lượng mưa tăng cao hơn các ngày trước, lượng mưa cao nhất đạt 5.7 mm/ngày tại Bắc Ninh, lượng mưa thấp nhất đạt 2.4 mm/ngày tại Hà Nội. Trung bình mưa thời đoạn từ ngày 26/3 đến 28/3 tại Hà Nội đạt 3.7 mm/ngày và tại Bắc Ninh đạt 4.9 mm/ngày.

Chế độ mưa ngày tại các trạm đo (mm)

Trạm đo	22/3	23/3	24/3	25/3	26/3	27/3	28/3
Hà Nội	1,5	0,1	0,2	0,3	2,4	4,3	4,5
Bắc Ninh	1,1	0,8	0,5	0,6	4,0	5,7	5,0

- Mức nước dự báo trên các cống có xu hướng tăng theo lượng mưa dự báo. Độ tăng mức nước cao nhất đạt 0,92m tại trạm bơm Hiền Lương và tăng thấp nhất đạt 0,25m tại cống Long Tửu.

Mức nước trung bình ngày tại các cống điều tiết (m)

Trạm đo	22/3	23/3	24/3	25/3	26/3	27/3	28/3
Cống Long Tửu	0,70	0,66	0,84	0,92	0,99	0,98	0,95
TB Hiền Lương	0,62	0,60	0,75	0,60	0,68	1,45	1,52
Cống Đặng Xá	2,53	2,55	2,40	2,31	2,22	2,20	2,22
TB Kim Đồi	0,60	0,62	0,57	0,60	0,60	0,56	0,52

b) Tóm tắt tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản

- Lúa xuân đang vào thời kỳ đẻ nhánh. Các địa phương đã hoàn thành bốn thức cho lúa xuân đợt 1.

- Các ao nuôi trồng thủy sản đang lấy nước chuẩn bị cho vụ nuôi thả mới.

c) Tình hình vận hành công trình thủy lợi

Cống Long Tửu đóng để giữ nước trong hệ thống; các TB chuẩn bị cho công tác tưới dưỡng.

2.2. Kết quả dự báo chất lượng nước từ ngày 22 - 28/3/2019

a) Dự báo chỉ tiêu DO

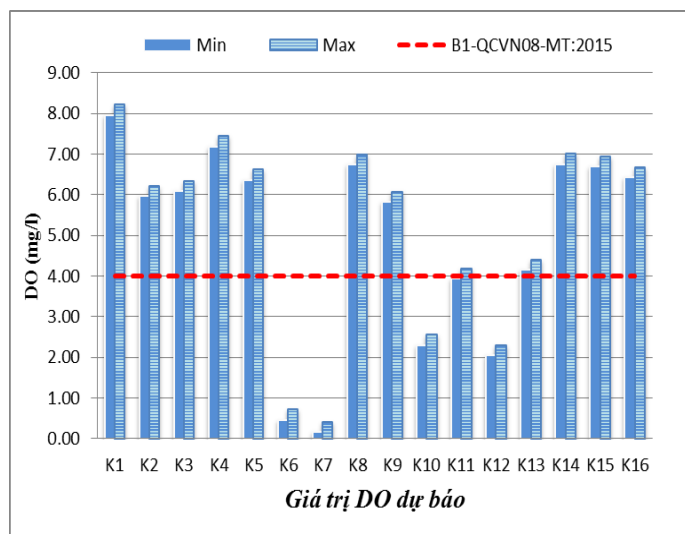
Hàm lượng DO dự báo trong hệ thống từ 22 - 28/3/2019 dao động từ 0,16- 8,21 mg/l. Cao nhất tại cống Long Tửu (K1); thấp nhất tại cống Đặng Xá (K7).

So sánh với tiêu chuẩn nước sử dụng cho SXNN theo QCVN 08-MT:2015 cột B₁:

- 11/16 điểm dự báo tại các vị trí K1, K2, K3, K4, K5, K8, K9, K13, K14, K15 và K16, có hàm lượng DO đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo.

- 4/16 điểm dự báo tại các vị trí K6, K7, K10 và K12, có hàm lượng DO không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo. Đặc biệt tại các vị trí K6 và K7 có DO quá thấp, có thể ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển của cây lúa; cá và các loài động vật thủy sinh không thể tồn tại trong môi trường này.

- 1/16 điểm dự báo còn lại tại vị trí K11, có hàm lượng DO trong ngày 23/3 thấp hơn không



Dự báo hàm lượng DO từ ngày 22-28/3/2019

đáng kể so với tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN.

Bảng 9: Kết quả dự báo thông số DO tại các vị trí quan trắc từ 22 - 28/3/2019

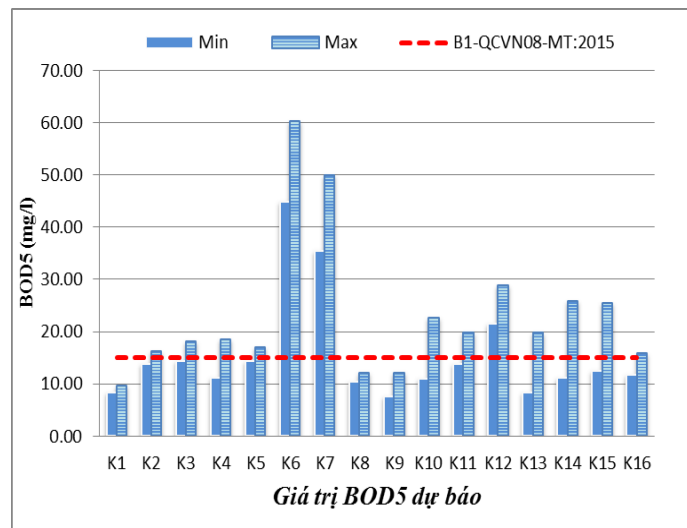
TT	KH	Vị trí	22/3	23/3	24/3	25/3	26/3	27/3	28/3
1	K1	Công Long Tửu	8,05	7,96	8,07	8,15	8,17	8,13	8,21
2	K2	Cầu Đa Hội	6,05	5,96	6,07	6,15	6,17	6,13	6,21
3	K3	TB Trịnh Xá	6,18	6,09	6,20	6,28	6,30	6,26	6,34
4	K4	Cầu Đồng Phúc	7,28	7,19	7,30	7,38	7,40	7,36	7,44
5	K5	Cầu Nét	6,46	6,37	6,48	6,56	6,58	6,54	6,62
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	0,55	0,46	0,57	0,65	0,67	0,63	0,71
7	K7	Công Đặng Xá	0,25	0,16	0,27	0,35	0,37	0,33	0,41
8	K8	K. Bắc Trịnh Xá xã Văn Môn	6,83	6,74	6,85	6,93	6,95	6,91	6,99
9	K9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang	5,91	5,82	5,93	6,01	6,03	5,99	6,07
10	K10	Trạm bơm Đương Xá	2,39	2,30	2,41	2,49	2,51	2,47	2,55
11	K11	K. Nam Trịnh Xá xã Hiên Vân	4,03	3,94	4,05	4,13	4,15	4,11	4,19
12	K12	Trạm bơm Vũ Ninh	2,13	2,04	2,15	2,23	2,25	2,21	2,29
13	K13	K. Nam Trịnh Xá xã Việt Hùng	4,25	4,16	4,27	4,35	4,37	4,33	4,41
14	K14	K. Kim Đồi xã Nhân Hòa	6,84	6,75	6,86	6,94	6,96	6,92	7,00
15	K15	Cầu Dũng Quyết	6,79	6,70	6,81	6,89	6,91	6,87	6,95
16	K16	Cầu Lộc Hà	6,51	6,42	6,53	6,61	6,63	6,59	6,67
QCVN 08-MT:2015 cột B₁			≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4

b) Dự báo chỉ tiêu BOD₅

Hàm lượng BOD₅ dự báo trong hệ thống từ 22 - 28/3/2019 dao động từ 7,59 – 60,34 mg/l. Cao nhất tại cầu Khúc Xuyên (K6); thấp nhất tại kênh Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang (K9).

So sánh với tiêu chuẩn nước sử dụng cho SXNN theo QCVN 08-MT:2015 cột B₁:

- 3/16 điểm dự báo tại các vị trí K1, K8 và K9, có hàm lượng BOD₅ đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo.- 3/16 điểm dự báo tại các vị trí K6, K7, K12, có hàm lượng BOD₅ không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo. Trong đó các vị trí tại K6 và K7 có hàm lượng BOD₅ cao nhất vượt TCCP từ 3,32-4,02 lần.



Dự báo hàm lượng BOD₅ từ ngày 22-28/3/2019

- 10/16 điểm dự báo tại các vị trí K2, K3, K4, K5, K10, K11, K13, K14, K15 và

K16, có hàm lượng BOD₅ không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở một số ngày trong đợt dự báo.

Bảng 10: Kết quả dự báo thông số BOD₅ tại các vị trí quan trắc từ 22 - 28/3/2019

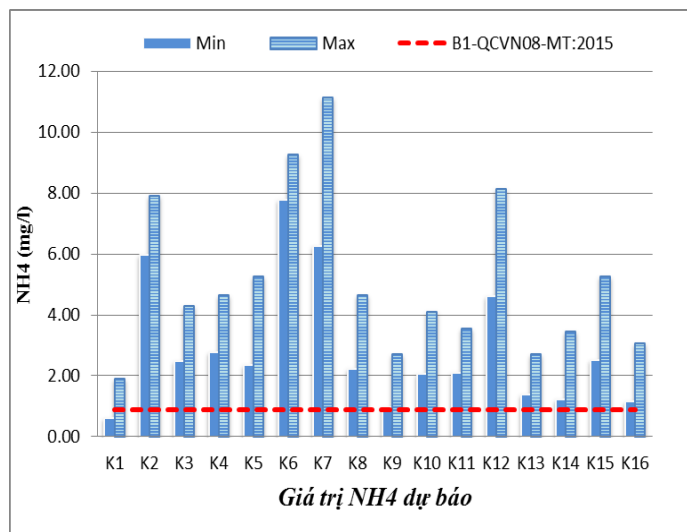
TT	KH	Vị trí	22/3	23/3	24/3	25/3	26/3	27/3	28/3
1	K1	Công Long Tửu	9,60	9,70	9,39	8,77	8,34	9,29	9,00
2	K2	Cầu Đa Hội	14,10	14,20	13,89	14,67	15,14	16,17	15,72
3	K3	TB Trịnh Xá	18,10	18,20	17,89	16,32	15,44	16,17	14,40
4	K4	Cầu Đồng Phúc	18,40	18,50	18,19	13,23	11,54	11,84	11,10
5	K5	Cầu Nét	14,60	14,70	14,39	15,42	15,45	16,93	17,00
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	45,00	45,10	44,79	51,63	53,66	57,43	60,34
7	K7	Công Đặng Xá	35,60	35,70	35,39	42,15	44,76	48,40	49,86
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	12,10	12,20	11,89	11,42	10,92	11,41	10,48
9	K9	K. Bắc TX xã Tam Giang	7,80	7,90	7,59	9,64	10,12	11,93	12,20
10	K10	Trạm bơm Đương Xá	11,20	11,30	10,99	15,82	18,17	20,99	22,74
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	19,80	19,90	19,59	14,51	13,98	14,51	13,84
12	K12	Trạm bơm Vũ Ninh	28,80	28,90	28,59	23,87	22,38	22,97	21,51
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	19,80	19,90	19,59	10,60	9,44	9,56	8,30
14	K14	K. Kim Đồi xã Nhân Hòa	25,67	25,77	25,46	16,95	14,16	14,03	11,10
15	K15	Cầu Dũng Quyết	25,30	25,40	25,09	17,07	16,16	15,49	12,45
16	K16	Cầu Lộc Hà	15,70	15,80	15,49	14,90	13,82	13,03	11,70
QCVN 08-MT:2015 cột B₁			15	15	15	15	15	15	15

c) Dự báo chỉ tiêu NH₄⁺

Hàm lượng NH₄⁺ dự báo trong hệ thống từ 22 - 28/3/2019 dao động từ 0,62 – 11,15 mg/l. Cao nhất tại công Đặng Xá (K7); thấp nhất công Long Tửu (K1).

So sánh với tiêu chuẩn nước sử dụng cho SXNN theo QCVN 08-MT:2015 cột B₁: Trừ vị trí tại K1 (công Long Tửu) có hàm lượng NH₄⁺ đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở các ngày từ 24-26/3, tất cả các vị trí dự báo còn lại đều có hàm lượng NH₄⁺ không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo. Trong đó:

- 7/16 điểm dự báo tại các vị trí K3, K9, K10, K11, K13, K14 và K16 có hàm lượng NH₄⁺ cao nhất trong đợt dự báo ở mức độ bị ô nhiễm và vượt TCCP từ



Dự báo hàm lượng NH₄⁺ từ ngày 22-28/3/2019

3,00 – 4,76 lần.

- 6/16 điểm dự báo tại các vị trí K2, K4, K5, K8, K12 và K15, có hàm lượng NH_4^+ cao nhất trong đợt dự báo ở mức độ bị ô nhiễm nghiêm trọng và vượt TCCP từ 5,18 – 9,02 lần.

- 2/16 điểm dự báo tại các vị trí K6 và K7, có hàm lượng NH_4^+ cao nhất trong đợt dự báo ở mức độ bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng và vượt TCCP từ 10,30 – 12,39 lần.

Bảng 11: Kết quả dự báo thông số NH_4^+ tại các vị trí quan trắc từ 22 - 28/3/2019

TT	KH	Vị trí	22/3	23/3	24/3	25/3	26/3	27/3	28/3
1	K1	Cống Long Tửu	1,10	1,20	0,89	0,71	0,62	1,89	1,75
2	K2	Cầu Đa Hội	6,60	6,70	6,39	5,96	6,44	7,92	7,03
3	K3	TB Trinh Xá	4,18	4,28	3,97	2,56	2,48	3,67	3,31
4	K4	Cầu Đồng Phúc	4,56	4,66	4,35	3,08	2,78	3,98	3,92
5	K5	Cầu Nét	5,15	5,25	4,94	2,96	2,37	3,32	2,70
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	9,17	9,27	8,96	7,86	7,77	9,19	9,11
7	K7	Cống Đặng Xá	11,05	11,15	10,84	8,23	6,81	6,89	6,27
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	4,55	4,65	4,34	2,42	2,22	3,11	2,52
9	K9	K. Bắc TX xã Tam Giang	1,59	1,69	1,38	0,98	1,20	2,64	2,70
10	K10	Trạm bơm Dương Xá	4,01	4,11	3,80	2,15	2,05	3,38	3,27
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	3,46	3,56	3,25	2,19	2,10	3,41	3,28
12	K12	Trạm bơm Vũ Ninh	4,81	4,91	4,60	5,35	5,52	6,65	8,12
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	2,51	2,61	2,30	1,41	1,37	2,71	2,62
14	K14	K. Kim Đôi xã Nhân Hòa	3,35	3,45	3,14	1,64	1,24	2,34	2,14
15	K15	Cầu Dũng Quyết	5,15	5,25	4,94	2,94	2,51	3,53	2,70
16	K16	Cầu Lộc Hà	2,95	3,05	2,74	1,28	1,17	2,18	1,80
QCVN 08-MT:2015 cột B₁			0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9

III. CÁC KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

- Kết quả dự báo cho thấy:

+ 4/16 điểm dự báo tại các vị trí K6, K7, K10 và K12, có hàm lượng DO không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo. Đặc biệt tại các vị trí K6 và K7 có DO quá thấp, có thể ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển của cây lúa; cá và các loài động vật thủy sinh không thể tồn tại trong môi trường này.

+ 3/16 điểm dự báo tại các vị trí K6, K7, K12, có hàm lượng BOD₅ không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo. Trong đó các vị trí tại K6 và K7 có hàm lượng BOD₅ cao nhất vượt TCCP từ 3,32-4,02 lần.

+ 15/16 điểm dự báo có hàm lượng NH_4^+ không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo. Trong đó: 6/16 điểm dự báo tại các vị trí K2, K4, K5, K8, K12 và K15, có hàm lượng NH_4^+ cao nhất trong đợt dự báo ở mức độ bị ô nhiễm nghiêm trọng và vượt TCCP từ 5,18 – 9,02 lần; 2/16 điểm dự báo tại các vị

trí K6 và K7, có hàm lượng NH_4^+ cao nhất trong đợt dự báo ở mức độ bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng và vượt TCCP từ 10,30 – 12,39 lần.

- Đề nghị các đơn vị quản lý, khai thác CTTL Bắc Đuống cảnh báo cho địa phương về tình hình chất lượng trong hệ thống. Khoanh vùng ô nhiễm khu vực hạ lưu sông Ngũ Huyện Khê từ Phú Lâm đến cống Đặng Xá và không sử dụng nước khu vực này cấp cho SXNN. Các khu vực khác có thể lấy nước phục vụ tưới, nhưng cần giảm lượng đạm bón cho cây trồng và không lấy nước trực tiếp cấp cho nuôi trồng thủy sản.

- Điều kiện cho phép có thể vận hành các trạm bơm lấy và thay nước trong hệ thống để giảm thiểu ô nhiễm.